

817	1324010163	Nguyễn Tuấn	Linh		23/06/1995	Nam	3.19	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
818	1324010181	Phạm Thị Dáng	Mi		06/02/1995	Nữ	3.09	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
819	1324010201	Nguyễn Thị	Ngọc		28/07/1994	Nữ	2.89	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
820	1324010617	Hoàng Thị	Nhận		11/12/1995	Nữ	2.96	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
821	1324010218	Phan Thị Kiều	Oanh		28/06/1995	Nữ	2.78	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
822	1324010228	Nguyễn Thị Lan	Phuong		12/08/1995	Nữ	2.81	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
823	1324010237	Trần Thị	Phượng		19/05/1995	Nữ	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
824	1324010241	Nguyễn Đình	Quân		10/12/1995	Nam	2.59	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
825	1324010249	Phạm Văn	Sang		27/06/1995	Nam	2.70	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
826	1324010270	Tô Đình	Thắng		10/10/1994	Nam	2.65	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
827	1324010283	Lê Thị	Thùy		04/02/1995	Nữ	2.65	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
828	1324010705	Lê Thị	Thùy		19/05/1995	Nữ	3.34	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
829	1324010706	Lê Thị Thu	Thùy		15/07/1995	Nữ	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
830	1324010302	Phạm Công	Tố		08/12/1995	Nam	2.16	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
831	1324010721	Nguyễn Thanh	Trà		14/10/1995	Nữ	2.31	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
832	1324010308	Hoàng Thu	Trang		12/09/1994	Nữ	2.62	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
833	1324010326	Đặng Đức	Trung		07/01/1995	Nam	2.29	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
834	1324010343	Vương Thị Quỳnh	Vân		30/07/1995	Nữ	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
835	1324010351	Nguyễn Thị	Yến		30/01/1995	Nữ	3.36	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58B
836	1324010004	Đinh Tuấn	Anh		27/07/1995	Nam	2.56	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C

102

837	1324010404	Ngô Lan	Anh	07/10/1995	Nữ	3.00	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
838	1324010034	Lê Văn	Cương	03/08/1995	Nam	2.32	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
839	1324010053	Phạm Thị	Duyên	09/10/1994	Nữ	3.19	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
840	1324010479	Hồ Thị Thủy	Hằng	22/01/1995	Nữ	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
841	1324010485	Phạm Thị	Hằng	14/11/1995	Nữ	2.91	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
842	1324010084	Mai Thu	Hạnh	23/08/1995	Nữ	2.81	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
843	1324010512	Lương Thị	Hội	09/02/1995	Nữ	2.55	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
844	1324010129	Đặng Thị	Hương	08/07/1995	Nữ	2.70	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
845	1324010541	Phùng Thị	Hương	13/11/1995	Nữ	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
846	1321040502	Nguyễn Quang	Huy	11/12/1994	Nam	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
847	1324010122	Nghiêm Thanh	Huyền	18/01/1995	Nữ	2.60	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
848	1324010146	Hoàng Thị Kim	Liên	16/06/1995	Nữ	2.79	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
849	1324010158	Nguyễn Phương	Linh	20/04/1995	Nữ	2.91	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
850	1324010574	Đặng Thị Minh	Lý	19/10/1995	Nữ	2.53	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
851	1321030730	Lê Thành	Nam	29/10/1995	Nam	2.57	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
852	1324010192	Nguyễn Thị	Nga	26/12/1995	Nữ	2.80	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
853	1324010635	Lê Thị Kim	Oanh	08/04/1995	Nữ	2.87	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
854	1324010223	Đỗ Thị	Phương	17/03/1995	Nữ	2.78	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
855	1324010229	Nguyễn Thị Lan	Phương	02/09/1995	Nữ	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
856	1324010239	Phạm Đức	Quang	28/07/1995	Nam	3.24	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C

182

857	1324010262	Nguyễn Thị	Thảo		02/03/1995	Nữ	3.03	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
858	1324010702	Trương Thị	Thùy		10/01/1994	Nữ	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
859	1324010291	Nguyễn Thị	Thùy		20/06/1995	Nữ	2.63	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
860	1324010306	Đỗ Đặng Quỳnh	Trang		11/07/1995	Nữ	2.97	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
861	1324010730	Nguyễn Thị Huyền	Trang		24/09/1995	Nữ	3.12	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
862	1324010330	Nguyễn Hoàng Minh	Tuấn		17/03/1995	Nam	2.55	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
863	1324010341	Nguyễn Thị Tường	Vân		06/09/1995	Nữ	2.68	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
864	0921060175	Đoàn Thị	Hường		26/03/1991	Nam	3.07	Khá	Kế toán	Kế toán	DKCTKT_55A
865	1221050214	Phạm Thị	Hiên		20/11/1993	Nữ	2.98	Khá	Kế toán	Kế toán	DKCTKT_57A
866	1021030420	Ngô Thị	Thanh		15/06/1992	Nữ	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán	DKCTKT_57A
867	1121050005	Vũ Thị Vân	Anh		01/04/1993	Nữ	3.30	Khá	Kế toán	Kế toán	DKCTKT_58A
868	1324010012	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		15/07/1995	Nữ	2.80	Khá	Kế toán	Kế toán	DKCTKT_58A
869	1324010020	Trần Văn	Anh		19/11/1995	Nữ	2.61	Khá	Kế toán	Kế toán	DKCTKT_58A
870	1324010030	Đỗ Thị Kim	Chi		15/04/1994	Nữ	2.95	Khá	Kế toán	Kế toán	DKCTKT_58A
871	1324010450	Nguyễn Xuân	Đông		20/09/1995	Nam	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán	DKCTKT_58A
872	1324010048	Trịnh Thị	Dung		27/02/1995	Nữ	2.78	Khá	Kế toán	Kế toán	DKCTKT_58A
873	1324010056	Nguyễn Thị Thùy	Dương		13/05/1995	Nữ	2.55	Khá	Kế toán	Kế toán	DKCTKT_58A
874	1324010058	Phạm Thùy	Dương		14/07/1995	Nữ	2.57	Khá	Kế toán	Kế toán	DKCTKT_58A
875	1324010444	Phùng Thị Mỹ	Duyên		03/03/1995	Nữ	3.24	Khá	Kế toán	Kế toán	DKCTKT_58A
876	1324010455	Lê Ngân	Giang		01/11/1995	Nữ	3.22	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DKCTKT_58A

14/2

877	1224010062	Vũ Thị	Hà		01/07/1994	Nữ	3.44	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
878	1324010070	Bùi Thu	Hà		02/02/1995	Nữ	3.24	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
879	1324010072	Đỗ Thị	Hà		12/06/1994	Nữ	3.58	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
880	1324010465	Nguyễn Việt	Hà		22/11/1994	Nữ	3.41	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
881	1324010091	Thái Thị Thu	Hằng		21/08/1994	Nữ	3.19	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
882	1324010085	Phạm Thị	Hạnh		27/03/1995	Nữ	3.56	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
883	1324010474	Nguyễn Hồng	Hạnh		26/07/1995	Nữ	3.35	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
884	1324010094	Trần Thị	Hậu		10/02/1995	Nữ	3.13	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
885	1324010096	Đỗ Thị	Hiền		06/10/1995	Nữ	2.73	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
886	1324010104	Trần Thị	Hoa		03/01/1995	Nữ	3.07	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
887	1324010108	Trần Khánh	Hòa		08/03/1994	Nữ	3.03	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
888	1324010503	Nguyễn Thị Thu	Hòa		12/07/1995	Nữ	2.93	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
889	1324010137	Phạm Thu	Hường		28/09/1995	Nữ	2.92	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
890	1324010142	Phạm Thị	Lan		07/04/1994	Nữ	3.01	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
891	1324010548	Nguyễn Thị	Lan		25/06/1994	Nữ	3.00	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
892	1324010148	Nguyễn Thị Ái	Liên		26/06/1995	Nữ	3.49	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
893	1324010151	Bùi Thị Thùy	Linh		11/06/1995	Nữ	2.69	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
894	1324010165	Phạm Vi	Linh		01/11/1995	Nữ	2.83	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
895	1324010561	Nguyễn Thị Khánh	Linh		28/02/1995	Nữ	2.61	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
896	1324010172	Nguyễn Hữu	Lực		25/01/1995	Nam	2.74	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A

182

897	1324010589	Bùi Thị	Nga		21/03/1994	Nữ	2.79	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
898	1324010601	Cao Thị Hồng	Ngọc		22/06/1994	Nữ	2.91	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
899	1324010205	Nguyễn Thị	Nguyễn		15/05/1995	Nữ	3.01	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
900	1324010211	Nguyễn Hồng	Nhung		17/04/1995	Nữ	2.99	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
901	1324010636	Lê Thị Vân	Oanh		07/08/1995	Nữ	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
902	1324010222	Đỗ Thị	Phuong		14/04/1995	Nữ	2.75	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
903	1324010268	Nguyễn Thị	Thắm		17/07/1995	Nữ	3.13	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
904	1324010676	Bùi Thị	Thảo		12/02/1995	Nữ	3.35	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
905	1324010714	Tổng Thị Thanh	Thư		20/08/1994	Nữ	3.26	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
906	1324010284	Vũ Thị	Thùy		25/01/1994	Nữ	2.44	Trung bình	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
907	1324010301	Nguyễn Thị	Tinh		01/12/1995	Nữ	3.00	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
908	1324010305	Bùi Thu	Trang		11/08/1995	Nữ	2.60	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
909	1324010309	Lê Thị	Trang		03/10/1995	Nữ	2.78	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
910	1324010320	Phạm Thị Hà	Trang		31/05/1995	Nữ	2.91	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
911	1324010739	Vũ Thị Hà	Trang		29/05/1995	Nữ	3.22	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
912	1324010340	Nguyễn Thị	Vân		01/09/1994	Nữ	3.06	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
913	1324010755	Lê Thị	Vân		14/10/1995	Nữ	3.31	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
914	1324010350	Vũ Thị Thu	Yên		07/09/1995	Nữ	2.63	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
915	1324010765	Đào Thị	Yên		20/03/1995	Nữ	2.67	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
916	1324010003	Đào Việt	Anh		11/09/1995	Nam	2.66	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B

16/2

917	1324010010	Nguyễn Thị Kim	Anh		03/02/1995	Nữ	2.88	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
918	1324010417	Tạ Kim	Anh		01/03/1995	Nữ	2.70	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
919	1324010424	Lê Thị	Chanh		14/06/1995	Nữ	2.68	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
920	1324010063	Trần Thị	Diệp		07/01/1995	Nữ	2.56	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
921	1324010041	Hoàng Thị	Dung		22/03/1994	Nữ	3.24	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
922	1324010044	Nguyễn Thị	Dung		25/08/1995	Nữ	2.82	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
923	1324010052	Đỗ Thị	Duyên		14/11/1995	Nữ	2.54	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
924	1324010071	Đinh Thị Thu	Hà		02/09/1995	Nữ	2.71	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
925	1324010087	Hồ Thúy	Hằng		06/02/1995	Nữ	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
926	1324010088	Lê Thị	Hằng		12/08/1995	Nữ	3.16	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
927	1324010488	Đinh Thị Thu	Hiền		11/04/1995	Nữ	3.31	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
928	1324010102	Hàn Thị Thanh	Hoa		06/11/1995	Nữ	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
929	1324010516	Vũ Thị	Hội		06/03/1995	Nữ	2.98	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
930	1324010119	Vũ Thị	Huệ		24/10/1995	Nữ	2.60	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
931	1324010131	Đoàn Thị Thu	Hương		09/08/1995	Nữ	3.05	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
932	1324010544	Nguyễn Thị	Hường		27/06/1995	Nữ	3.53	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
933	1324010121	Hoàng Thị	Huyền		25/09/1994	Nữ	2.92	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
934	1324010141	Nguyễn Thị	Lan		27/10/1995	Nữ	3.04	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
935	1324010153	Đổng Thị Thùy	Linh		02/05/1995	Nữ	3.40	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
936	1324010154	Hoàng Thị Diệu	Linh		06/12/1995	Nữ	2.71	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B

162

937	1324010178	Trần Thị Thanh	Mai		06/02/1995	Nữ	2.88	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
938	1324010587	Trần Thị	Muốt		27/08/1995	Nữ	2.50	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
939	1324010190	Nguyễn Thị	Nga		17/07/1994	Nữ	2.76	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
940	1324010202	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc		09/10/1995	Nữ	2.63	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
941	1324010607	Nguyễn Thị	Ngọc		01/02/1995	Nữ	2.75	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
942	1324010206	Nguyễn Thị	Nguyễn		20/06/1995	Nữ	3.07	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
943	1324010612	Nguyễn Thị Sóng	Nguyễn		30/08/1995	Nữ	2.67	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
944	1324010613	Trần Thị	Nguyễn		25/02/1995	Nữ	2.99	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
945	1324010210	Phạm Thị	Nhũ		24/10/1995	Nữ	3.50	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
946	1324010630	Nguyễn Thị	Như		08/08/1995	Nữ	2.96	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
947	1324010627	Phạm Thị	Nhung		21/08/1995	Nữ	3.36	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
948	1324010246	Phan Thảo	Quỳnh		25/07/1995	Nữ	2.74	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
949	1324010250	Phạm Thị	Sen		15/08/1995	Nữ	2.81	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
950	1324010670	Đoàn Thị	Thanh		04/09/1995	Nữ	3.21	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
951	1324010263	Nguyễn Thị Phương	Thảo		08/04/1993	Nữ	3.34	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
952	1324010682	Nguyễn Thị Phương	Thảo		15/02/1995	Nữ	3.06	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
953	1324010282	Đàm Minh	Thuận		12/06/1995	Nam	2.46	Trung bình	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
954	1324010314	Ngô Thùy	Trang		30/01/1995	Nữ	2.81	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
955	1324010738	Vũ Thị	Trang		08/11/1994	Nữ	2.81	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
956	1324010323	Hoàng Thị	Trình		22/12/1994	Nữ	2.83	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B

142

957	1324010741	Nguyễn Lê Thanh	Trúc		27/05/1995	Nữ	3.17	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
958	1324010338	Hoàng Thúy	Vân		03/03/1995	Nữ	2.61	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
959	1324010759	Trần Thị	Việt		30/08/1994	Nữ	2.88	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
960	1324010028	Đoàn Thị	Chang		22/03/1995	Nữ	3.06	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
961	1324010032	Nguyễn Thị Phương	Chinh		17/02/1995	Nữ	2.73	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
962	1324010061	Nguyễn Thị	Đào		05/08/1995	Nữ	3.23	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
963	1324010045	Nguyễn Thị Kim	Dung		18/11/1995	Nữ	2.97	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
964	1324010443	Phạm Kỳ	Duyên		24/01/1995	Nữ	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
965	1324010066	Đặng Thị	Giang		21/07/1995	Nữ	3.29	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
966	1324010490	Nguyễn Thị	Hiền		16/12/1995	Nữ	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
967	1324010499	Trần Thị	Hoa		04/04/1995	Nữ	2.89	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
968	1324010501	Trương Thị Mỹ	Hoa		01/04/1995	Nữ	3.05	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
969	1324010110	Nguyễn Thị	Hồng		04/07/1995	Nữ	2.79	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
970	1324010116	Nguyễn Thị	Huệ		17/10/1995	Nữ	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
971	1324010123	Nguyễn Thị	Huyền		28/03/1994	Nữ	3.07	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
972	1324010524	Dur Thị Thu	Huyền		06/02/1995	Nữ	3.38	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
973	1324010150	Hồ Thị	Liều		25/09/1994	Nữ	3.38	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
974	1324010555	Đỗ Thị	Liều		12/10/1995	Nữ	2.90	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
975	1324010161	Nguyễn Thị Thủy	Linh		26/05/1995	Nữ	2.55	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
976	1324010563	Nguyễn Thùy	Linh		27/09/1995	Nữ	2.70	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C

182

977	1324010175	Tạ Thị	Lý		05/10/1995	Nữ	3.00	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
978	1324010598	Lại Thị Thúy	Ngân		04/08/1995	Nữ	3.31	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
979	1324010596	Hoàng Thị	Ngát		22/01/1995	Nữ	3.48	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
980	1324010207	Nguyễn Thị	Nguyệt		22/09/1995	Nữ	3.34	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
981	1324010216	Nguyễn Thị Quỳnh	Như		13/11/1994	Nữ	2.66	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
982	1324010632	Tống Thị Quỳnh	Nương		24/09/1994	Nữ	2.61	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
983	1324010634	La Thị	Oanh		15/01/1995	Nữ	3.00	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
984	1324010219	Vũ Thanh	Phong		23/07/1995	Nam	2.66	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
985	1324010235	Nguyễn Thị	Phượng		03/05/1995	Nữ	2.82	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
986	1324010656	Lê Thị	Quỳnh		23/10/1994	Nữ	2.62	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
987	1324010674	Đỗ Mạnh	Thành		10/09/1994	Nam	2.58	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
988	1324010296	Nguyễn Thị	Thương		19/03/1995	Nữ	3.19	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
989	1324010295	Ngô Thị	Thúy		17/06/1995	Nữ	2.58	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
990	1324010710	Nguyễn Thị	Thúy		09/08/1995	Nữ	2.88	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
991	1324010307	Đỗ Huyền	Trang		18/01/1995	Nữ	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
992	1324010321	Trần Thị Linh	Trang		09/02/1995	Nữ	3.22	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
993	1324010723	Hoàng Thị	Trang		11/10/1995	Nữ	2.57	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
994	1324010724	Hoàng Thị Thu	Trang		22/04/1995	Nữ	2.92	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
995	1324010332	Hồ Thị Kim	Tuyến		16/10/1995	Nữ	2.59	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
996	1324010753	Đào Thị Hồng	Vân		09/07/1995	Nữ	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C

142

997	1321020258	Phạm Thị Hải	Yến		23/02/1995	Nữ	2.66	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
998	1324010773	Vũ Thị Hải	Yến		24/09/1995	Nữ	2.88	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58C
999	1324010027	Đoàn Thị	Chang		14/09/1994	Nữ	2.59	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1000	1324010059	Phạm Thị	Đám		27/07/1995	Nữ	3.03	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1001	1324010064	Trần Thị Phương	Đồng		15/11/1995	Nữ	2.87	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1002	1324010040	Đoàn Thị Thùy	Dung		25/08/1995	Nữ	2.91	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1003	1324010047	Tạ Thị Thùy	Dung		30/08/1995	Nữ	3.30	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1004	1324010049	Vũ Thị	Dung		05/11/1995	Nữ	2.64	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1005	1324010435	Nghiêm Thị	Dung		25/07/1995	Nữ	2.92	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1006	1324010067	Ngô Thị	Giang		12/03/1995	Nữ	3.30	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1007	1324010074	Nguyễn Thị Thu	Hà		24/01/1995	Nữ	2.70	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1008	1324010086	Dương Thị Thủy	Hằng		22/12/1995	Nữ	3.46	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1009	1324010111	Nguyễn Thị Thủy	Hồng		12/10/1995	Nữ	3.14	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1010	1324010113	Bùi Thị Thành	Huế		15/02/1995	Nữ	3.30	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1011	1324010117	Thiều Thị	Huệ		15/02/1994	Nữ	2.97	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1012	1324010132	Lê Thị Thu	Hương		24/11/1995	Nữ	2.67	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1013	1324010128	Vũ Thị	Huyền		05/08/1995	Nữ	2.78	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1014	1324010549	Phạm Thị Hương	Lan		20/12/1995	Nữ	3.44	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1015	1324010157	Lê Thị	Linh		18/07/1995	Nữ	3.23	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1016	1324010556	Cù Thị Mỹ	Linh		17/05/1995	Nữ	3.20	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D

162

1017	1324010590	Mâu Thị	Nga		01/10/1995	Nữ	2.79	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1018	1324010214	Phan Thị	Nhung		20/06/1995	Nữ	2.78	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1019	1324010217	Lê Văn	Ninh		08/02/1995	Nam	3.02	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1020	1324010234	Vũ Thị Hà	Phuong		11/10/1995	Nữ	2.69	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1021	1324010236	Phạm Thị	Phuong		14/07/1995	Nữ	2.91	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1022	1324010258	Hoàng Thị	Thảo		04/02/1994	Nữ	2.58	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1023	1324010261	Nguyễn Thị	Thảo		24/01/1995	Nữ	2.60	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1024	1321020731	Hà Thị	Thoa		04/01/1995	Nữ	2.85	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1025	1324010281	Trần Thị Hồng	Thu		19/12/1995	Nữ	2.66	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1026	1324010288	Nguyễn Thị	Thùy		10/10/1994	Nữ	3.03	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1027	1324010703	Đỗ Thị	Thùy		17/10/1994	Nữ	3.01	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1028	1324010299	Lý Thùy	Tiên		03/12/1995	Nữ	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1029	1324010303	Lương Vũ Hương	Trà		15/11/1995	Nữ	2.54	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1030	1324010313	Ngô Thị	Trang		17/03/1995	Nữ	2.26	Trung bình	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1031	1324010322	Trần Thị Thu	Trang		15/05/1995	Nữ	3.28	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1032	1324010334	Nguyễn Thị	Tươi		13/07/1995	Nữ	2.95	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1033	1324010336	Trịnh Phạm Hồng	Tươi		21/10/1995	Nữ	3.16	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1034	1324010769	Ngô Kim	Yến		02/11/1995	Nữ	2.97	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58D
1035	1324010002	Trần Thị Thủy	An		18/07/1995	Nữ	2.77	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1036	1324010014	Nguyễn Thị Trâm	Anh		23/06/1995	Nữ	2.70	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G

102

1037	1324010434	Lưu Thị Kiều	Diễm	12/02/1995	Nữ	2.95	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1038	1324010038	Ngô Thị	Doan	12/03/1995	Nữ	3.22	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1039	1324010043	Ngụy Thị	Dung	08/04/1995	Nữ	3.19	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1040	1324010051	Nguyễn Gia	Duy	31/08/1995	Nam	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1041	1324010055	Phạm Thế	Duyệt	28/10/1995	Nam	2.82	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1042	1324010095	Đoàn Thị Thanh	Hiên	03/02/1995	Nữ	2.86	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1043	1324010517	Vũ Thị	Huê	25/08/1995	Nữ	2.66	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1044	1324010134	Trương Thị Thu	Hương	01/08/1995	Nữ	3.41	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1045	1324010534	Lê Quỳnh	Hương	04/08/1995	Nữ	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1046	1324010125	Quách Thị	Huyền	18/03/1995	Nữ	3.00	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1047	1324010126	Trần Thị Thanh	Huyền	07/07/1995	Nữ	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1048	1324010155	Hoàng Thị Quế	Linh	28/05/1995	Nữ	3.39	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1049	1324010559	Lê Thị Khánh	Linh	14/11/1995	Nữ	2.99	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1050	1324010167	Đỗ Thị	Loan	11/07/1995	Nữ	2.70	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1051	1324010176	Nguyễn Ngọc	Mai	12/11/1995	Nữ	2.88	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1052	1324010186	Nguyễn Thị Trà	My	04/04/1995	Nữ	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1053	1321030737	Hoàng Thị	Nga	25/08/1995	Nữ	2.51	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1054	1324010593	Trần Thị	Nga	26/04/1995	Nữ	3.12	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1055	1324010209	Hoàng Kim	Nhật	27/09/1995	Nữ	3.29	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1056	1324010213	Phạm Thanh	Nhung	21/06/1995	Nữ	3.12	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G

11/2

1057	1324010359	Nguyễn Hồng	Nhung		21/12/1995	Nữ	3.32	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1058	1324010619	Bùi Thị	Nhung		07/09/1994	Nữ	3.62	Xuất sắc	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1059	1324010238	Vũ Thị	Phượng		26/03/1995	Nữ	3.00	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1060	1324010245	Nguyễn Thị	Quỳnh		22/09/1995	Nữ	2.91	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1061	1324010688	Đỗ Thị	Thắm		04/10/1994	Nữ	3.13	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1062	1324010253	Trịnh Hà	Thanh		05/05/1995	Nữ	3.44	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1063	1324010673	Trần Thị	Thanh		24/04/1995	Nữ	2.86	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1064	1324010265	Trần Thị Phương	Thảo		26/06/1995	Nữ	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1065	1324010273	Lý Văn	Thời		24/01/1989	Nam	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1066	1324010278	Nguyễn Thị	Thu		25/08/1995	Nữ	2.91	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1067	1324010698	Lê Thị	Thu		16/08/1994	Nữ	3.03	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1068	1321040284	Nguyễn Thu	Thùy		24/12/1995	Nữ	3.03	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1069	1324010292	Nguyễn Thị	Thùy		10/05/1994	Nữ	2.91	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1070	1324010293	Trần Thị Thu	Thùy		16/02/1995	Nữ	2.76	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1071	1324010310	Lê Thị Huyền	Trang		24/11/1995	Nữ	3.09	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1072	1324010315	Nguyễn Thị	Trang		21/10/1995	Nữ	3.13	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1073	1324010732	Nguyễn Thị Huyền	Trang		11/07/1994	Nữ	3.03	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1074	1324010337	Nguyễn Thị	Uyên		01/09/1995	Nữ	2.63	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1075	1324010757	Trịnh Thị	Vân		29/07/1995	Nữ	2.76	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1076	1324010349	Nguyễn Hà	Xuân		25/10/1995	Nữ	3.00	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G

102

1077	0921040169	Đặng Văn	Chuyên	12/09/1991	Nam	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT54A
1078	0921040254	Cao Duy	Thanh	17/10/1991	Nam	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT54B
1079	0751041050	Lê Văn	Thông	15/08/1987	Nam	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT54QN
1080	1021040567	Trần Hữu	Mạnh	29/12/1990	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT55A
1081	1021040206	Hoàng Công	Phú	26/09/1992	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT55A
1082	1021040063	Vũ Hải	Duy	11/06/1992	Nam	2.12	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT55A
1083	1021040058	Lê Văn	Dũng	19/05/1992	Nam	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT55B
1084	1021040313	Đào Quang	Toán	19/08/1992	Nam	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT55C
1085	1021040099	Nguyễn Văn	Hiện	04/11/1992	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT55C
1086	1021040222	Đoàn Hữu	Quý	26/11/1992	Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT55D
1087	1121040347	Trung Văn	Dậu	10/04/1993	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT56A
1088	1121040133	Trương Quốc	Hung	26/07/1993	Nam	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT56B
1089	1121040052	Hoàng Văn	Dương	28/04/1993	Nam	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT56B
1090	1121040098	Trần Minh	Hòa	24/11/1993	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT56B
1091	1121040241	Nguyễn Văn	Thành	09/08/1993	Nam	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT56C
1092	1121040055	Nguyễn Hoàng	Dương	03/02/1993	Nam	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT56G
1093	1121040015	Phạm Ngọc	Bách	01/10/1993	Nam	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT56H
1094	1121020077	Nông Nhật	Hoàng	21/08/1993	Nam	2.16	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT56H
1095	1221040010	Phạm Tuấn	Anh	30/11/1994	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1096	1221040015	Đặng Văn	Bắc	10/11/1994	Nam	3.45	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A

112

1097	1221040058	Nguyễn Viết	Đặng		10/06/1994	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1098	1221040064	Nguyễn Anh	Đông		08/09/1994	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1099	1221040041	Phạm Văn	Duy		22/12/1993	Nam	2.90	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1100	1221040007L	BOLDBAATAR	GAL-OCHIR		21/04/1991	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1101	1221040087	Dương Trọng	Hiếu		08/11/1994	Nam	3.06	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1102	1221040099	Vũ Ngọc	Hoàn		16/06/1994	Nam	2.96	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1103	1221040106	Hà Mạnh	Hùng		26/05/1994	Nam	3.27	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1104	1221040118	Bùi Tuấn	Hữu		30/12/1994	Nam	2.98	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1105	1221040119	Nguyễn Văn	Khải		09/10/1994	Nam	2.78	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1106	1221040008L	Khamthy	Khamvanheuang		07/11/1992	Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1107	1221040405	Nguyễn Văn	Khuong		06/06/1994	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1108	1221070087	Tổng Khánh	Lâm		09/04/1994	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1109	1221040005L	Kou	Lee		03/03/1991	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1110	1221040176	Vũ Đức	Nghĩa		21/01/1994	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1111	1221040185	Móng Anh	Nguyễn		29/09/1994	Nam	2.74	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1112	1221040002L	Songvang	Saymany		12/07/1991	Nam	2.82	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1113	1221040003L	Phonesoud	Sengbandith		06/02/1993	Nam	2.77	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1114	1221040233	Lê Tiến	Thành		11/06/1994	Nam	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1115	1221040448	Lê Minh	Thành		16/03/1994	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1116	1221040259	Nguyễn Ngọc	Thường		14/10/1994	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A

102

1117	1221040269	Phạm Minh	Toàn	22/09/1994	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1118	1221040295	Nguyễn Thế	Tuấn	26/05/1994	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1119	122104004L	Teevanhsouk	Vangduayang	02/09/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1120	1221040316	Phạm Đức	Việt	14/06/1994	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1121	1221050120	Đỗ Quang	Vinh	28/10/1993	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1122	1221040006L	Xaypanya	Vongpukdee	31/08/1993	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57A
1123	1221040005	Lê Việt	Anh	31/07/1994	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1124	1221040007	Nguyễn Đức	Anh	15/01/1994	Nam	2.97	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1125	1221030016	Nguyễn Quý	Chung	20/01/1994	Nam	2.65	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1126	1221040031	Đào Văn	Cử	05/10/1994	Nam	2.91	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1127	1221040059	Nguyễn Văn	Đặng	11/02/1994	Nam	3.12	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1128	1221040337	Đỗ Xuân	Điểm	21/01/1993	Nam	2.98	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1129	1221040044	Nhữ Văn	Dự	21/01/1994	Nam	2.83	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1130	1221040046	Nguyễn Bá	Dương	09/10/1993	Nam	3.36	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1131	1221040092	Nguyễn Việt	Hiếu	29/11/1994	Nam	2.86	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1132	1221040115	Nguyễn Văn	Hưng	30/03/1993	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1133	1221040128	Nhữ Văn	Khoa	05/10/1994	Nam	3.11	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1134	1221040133	Trần Văn	Khuong	15/01/1994	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1135	1221040409	Nguyễn Hoài	Lam	18/05/1994	Nam	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1136	1221040164	Nguyễn Trọng	Mạnh	07/05/1994	Nam	2.91	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B

100

1137	1221040208	Hứa Văn	Sâm		02/07/1994	Nam	2.78	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1138	1221040240	Hoàng Minh	Thắng		07/02/1994	Nam	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1139	1221040294	Nguyễn Thành	Tuấn		21/06/1994	Nam	2.93	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1140	1221040478	Lương Anh	Tuấn		22/03/1988	Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1141	1221020489	Nguyễn Mạnh	Tùng		16/05/1994	Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57B
1142	1221040002	Phạm Văn	An		16/06/1994	Nam	3.09	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57C
1143	1221040003	Bùi Duy	Anh		27/09/1994	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57C
1144	1221040347	Nguyễn Tiến Hồng	Anh		04/01/1994	Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57C
1145	1221040028	Nguyễn Hồng	Chương		02/09/1994	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57C
1146	1221030019	Nguyễn Tiến	Cường		07/07/1994	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57C
1147	1221040051	Đào Trọng	Đạt		10/12/1994	Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57C
1148	1221040332	Phạm Đức	Đông		05/11/1994	Nam	2.98	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57C
1149	1221040341	Phạm Trung	Đức		07/10/1994	Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57C
1150	1221040369	Nguyễn Văn	Dũng		01/10/1994	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57C
1151	1221040072	Nguyễn Tuấn	Giang		05/09/1993	Nam	2.88	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57C
1152	1221040100	Nguyễn Minh	Hoàng		06/08/1994	Nam	2.81	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57C
1153	1221040103	Vương Huy	Hoàng		12/05/1994	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57C
1154	1221040110	Lê Đức	Huy		05/01/1994	Nam	2.85	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57C
1155	1221040122	Vũ Đình	Khải		24/02/1994	Nam	3.03	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57C
1156	1221010218	Nguyễn Hải	Long		05/07/1994	Nam	3.08	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57C

102

1157	1221040194	Phạm Văn	Phúc		22/09/1994	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57C
1158	1221040197	Nguyễn Tiến	Quang		01/04/1994	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57C
1159	1221040205	Trần Viết	Quyết		07/09/1993	Nam	3.03	Khá	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57C
1160	1221040210	Đặng Văn	Sơn		20/05/1994	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57C
1161	1221040248	Phạm Khánh	Thiện		04/12/1994	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57C
1162	1221040270	Trần Đức	Toàn		20/05/1990	Nam	3.42	Giỏi	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57C
1163	1221040292	Phạm Minh	Tuấn		15/12/1994	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57C
1164	1221040305	Trương Ngọc	Tùng		19/04/1994	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57C
1165	1221040026	Nguyễn Thành	Chung		27/06/1994	Nam	2.95	Khá	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57D
1166	1221040029	Phạm Đức	Chương		26/01/1994	Nam	2.94	Khá	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57D
1167	1221040033	Nguyễn Đình	Cương		20/09/1994	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57D
1168	1221040045	Hồ Văn	Dương		15/09/1994	Nam	3.14	Khá	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57D
1169	1221040371	Trịnh Đức	Duy		17/09/1994	Nam	2.74	Khá	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57D
1170	1221040095	Nguyễn Khắc	Hòa		26/08/1994	Nam	2.88	Khá	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57D
1171	1221040109	Đặng Quốc	Huy		24/04/1994	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57D
1172	1221040130	Nguyễn Văn	Khương		12/07/1993	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57D
1173	1221040141	Nguyễn Hoàng	Lân		18/06/1994	Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57D
1174	1221040146	Đoàn Văn	Linh		18/02/1994	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57D
1175	1221040152	Lê Xuân	Lộc		11/10/1994	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57D
1176	1221040166	Hoàng Tuệ	Minh		15/07/1994	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Mò	Khai thác	DCMOKT57D

1182

1177	1221040177	Đình Công	Ngọc	16/09/1994	Nam	2.80	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57D
1178	1221040181	Trịnh Minh	Ngọc	15/01/1994	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57D
1179	1221040195	Lưu Văn	Phước	15/10/1993	Nam	2.86	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57D
1180	1221040217	Lại Thanh	Tảo	21/07/1994	Nam	3.00	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57D
1181	1221040260	Lương Xuân	Thường	25/04/1994	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57D
1182	1221040261	Vũ Văn	Thường	10/10/1994	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57D
1183	1221040282	Vũ Thành	Trung	10/04/1994	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57D
1184	1221040324	Đặng Xuân	Vượng	21/11/1994	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57D
1185	1221040027	Phương Quang	Chung	18/12/1993	Nam	2.70	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1186	1221040032	Đình Minh	Cường	21/06/1994	Nam	3.44	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1187	1221040034	Nguyễn Ngọc	Cường	28/09/1994	Nam	2.81	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1188	1221040057	Vũ Văn	Đạt	26/11/1994	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1189	1221040066	Dương Ngọc	Đức	17/08/1991	Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1190	1221040091	Nguyễn Trung	Hiếu	28/09/1993	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1191	1221040391	Nguyễn Anh	Hiếu	11/12/1994	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1192	1221040098	Trịnh Hữu	Hoàn	24/03/1994	Nam	2.76	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1193	1221040397	Nguyễn Lê	Hoàng	12/01/1994	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1194	1221040129	Phan Hữu	Khoa	04/04/1994	Nam	2.80	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1195	1221040131	Nguyễn Văn	Khương	14/05/1994	Nam	2.71	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1196	1221040136	Trần Trung	Kiên	11/07/1994	Nam	2.80	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G

182

1197	1221040138	Vũ Trung	Kiên	01/05/1993	Nam	3.03	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1198	1221040196	Nguyễn Duy	Quang	20/07/1993	Nam	3.27	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1199	1221040442	Nguyễn Văn	Sang	25/06/1994	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1200	1221040242	Phạm Văn	Thắng	21/04/1994	Nam	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1201	1221040454	Bùi Văn	Thạo	19/03/1994	Nam	2.65	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1202	1221040254	Nguyễn Văn	Thuận	02/11/1994	Nam	2.85	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1203	1221040257	Nguyễn Duy	Thức	03/02/1993	Nam	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1204	1221040265	Trần Bá	Tiến	08/06/1994	Nam	2.73	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1205	1221020501	Nguyễn Ngọc	Tú	23/08/1994	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1206	1221040298	Đào Duy	Tùng	23/02/1994	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1207	1221040462	Phạm Mạnh	Tùng	27/06/1994	Nam	3.04	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57G
1208	1221040012	Trần Phan Đức	Anh	15/05/1994	Nam	2.79	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1209	1221040359	Nguyễn Đình	Cường	04/09/1994	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1210	1221040056	Vũ Văn	Đạt	13/09/1993	Nam	3.47	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1211	1221040061	Phùng Danh	Diệp	01/09/1994	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1212	1221030291	Hoàng Trọng	Hải	30/11/1994	Nam	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1213	1221040387	Trần Mạnh	Hùng	07/10/1993	Nam	2.86	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1214	1221040134	Nguyễn Xuân	Kiên	25/03/1994	Nam	2.84	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1215	1221040167	Hà Quang	Minh	26/10/1994	Nam	2.65	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1216	1221040184	Lều Hữu	Nguyễn	06/10/1994	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H

1482

1217	1221040209	Hoàng Văn	Séc		23/11/1994	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1218	1221040213	Trần Thế	Sơn		24/02/1994	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1219	1221040222	Phạm Văn	Tân		28/08/1993	Nam	2.73	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1220	1221040225	Nguyễn Văn	Thái		20/10/1994	Nam	3.08	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1221	1221040249	Vũ Văn	Thiện		09/02/1994	Nam	2.70	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1222	1221040264	Phạm Văn	Tiến		25/02/1994	Nam	2.79	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1223	1221040266	Hoàng Xuân	Tín		10/10/1994	Nam	2.66	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1224	1221040267	Lê Công	Tín		08/03/1994	Nam	3.17	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1225	1221040473	Nguyễn Mạnh	Trường		25/12/1994	Nam	2.80	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1226	1221040302	Nguyễn Thanh	Tùng		06/08/1994	Nam	2.84	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1227	1221040319	Nguyễn Văn	Vinh		01/10/1994	Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT57H
1228	1321040020	Vũ Thị Huyền	Chang		14/05/1994	Nữ	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT58H
1229	1321040090	Lê Thị	Hằng		27/03/1994	Nữ	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	DCMOKT58H
1230	1221040008	Nguyễn Thị Lan	Anh		29/06/1994	Nữ	2.88	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1231	1221040049	Nguyễn Ngọc	Đại		24/09/1994	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1232	1221040036	Lê Tiến	Dũng		13/01/1994	Nam	2.76	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1233	1221040047	Nguyễn Ngọc	Dương		11/11/1994	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1234	1221040376	Lương Thị Thu	Hà		20/09/1994	Nữ	3.03	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1235	1221040075	Đoàn Thị	Hạ		20/06/1994	Nữ	2.98	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1236	1221040082	Nguyễn Thị	Hạnh		10/08/1993	Nữ	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A

182

1237	1221040101	Nguyễn Văn	Hoàng	11/04/1994	Nam	2.98	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1238	1221040117	Nguyễn Thị	Hương	02/11/1994	Nữ	3.03	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1239	1221040112	Nguyễn Xuân	Huy	21/08/1994	Nam	2.76	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1240	1221040001L	Songkham	KEOBANDITH	05/05/1988	Nam	3.05	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1241	1221040150	Phạm Thị Phương	Loan	12/01/1994	Nữ	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1242	1221040161	Vũ Khánh	Ly	06/12/1994	Nữ	3.33	Giỏi	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1243	1221040425	Nguyễn Mai	Ngọc	07/09/1994	Nữ	2.92	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1244	1221040241	Nguyễn Ngọc	Thắng	18/11/1994	Nam	2.95	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1245	1221040226	Dương Văn	Thanh	13/08/1994	Nam	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1246	1221040229	Nguyễn Khắc	Thanh	30/11/1994	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1247	1221040235	Nguyễn Thị	Thành	29/11/1994	Nữ	2.64	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1248	1221040447	Nguyễn Hồng	Thương	01/09/1994	Nữ	3.27	Giỏi	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1249	1221040256	Lê Thị	Thủy	29/11/1994	Nữ	2.78	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1250	1221040276	Đàm Văn	Trọng	20/12/1992	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
1251	1221040021	Lê Quyết	Chiến	17/11/1994	Nam	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1252	1221040093	Vũ Đình Minh	Hiếu	03/09/1994	Nam	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1253	1221040393	Đào Thị Thu	Hoài	22/07/1994	Nữ	2.74	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1254	1221040102	Vũ Văn	Hoàng	22/02/1994	Nam	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1255	1221040114	Hà Đức	Hung	05/11/1994	Nam	2.71	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1256	1221040407	Đào Việt	Kiểm	09/05/1994	Nam	2.89	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B

11/2

1257	1221040139	Phạm Tuấn	Kiệt	20/08/1994	Nam	3.14	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1258	1221040143	Phạm Ngọc	Liêm	11/09/1994	Nam	3.24	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1259	1221040144	Nguyễn Thị	Liên	10/08/1993	Nữ	3.17	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1260	1221040158	Dương Văn	Lương	21/05/1994	Nam	3.06	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1261	1221040173	Trần Hồng	Nam	01/10/1994	Nam	2.97	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1262	1221040174	Trần Thị	Nga	22/05/1994	Nữ	2.89	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1263	1221040179	Phạm Thị Minh	Ngọc	16/06/1994	Nữ	2.66	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1264	1221040204	Nguyễn Văn	Quyết	15/03/1994	Nam	2.73	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1265	1221040451	Nguyễn Hữu	Thảo	13/03/1992	Nam	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1266	1221040255	Đỗ Thị Thu	Thủy	01/01/1994	Nữ	3.01	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1267	1221040458	Trần Thị	Thùy	05/11/1994	Nữ	3.37	Giỏi	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1268	1221040262	Hoàng Xuân	Tiến	22/10/1994	Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1269	1221040272	Nguyễn Viết	Toán	05/09/1994	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1270	1221040313	Nguyễn Đình	Văn	14/03/1994	Nam	2.80	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1271	1221040325	Lê Hải	Yến	20/09/1994	Nữ	2.67	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1272	1221050003	Đỗ Thị Kim	Anh	15/12/1994	Nữ	2.95	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1273	1221080001	Nguyễn Lan	Anh	12/11/1994	Nữ	2.87	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1274	1221020242	Phạm Thị Châm	Anh	04/11/1994	Nữ	2.94	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1275	1221080090	Nguyễn Công	Ánh	27/05/1994	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1276	1221080007	Chu Hữu	Chiến	23/12/1994	Nam	2.79	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57

12/2

1277	1221080010	Nguyễn Đức	Chiến	25/07/1994	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1278	1221080012	Lê Đình	Cường	03/02/1994	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1279	1221080016	Phạm Thị	Đào	02/12/1994	Nữ	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1280	1221080092	Trần Tiến	Đạt	10/09/1993	Nam	2.89	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1281	1221020030	Lê Thùy	Dương	24/10/1994	Nữ	2.70	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1282	1221080100	Doãn Đức	Duy	12/01/1994	Nam	2.84	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1283	1221080107	Nguyễn Thị Thu	Hà	25/08/1994	Nữ	3.50	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1284	1221030041	Doãn Hùng	Hải	31/07/1994	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1285	1221080021	Nguyễn Thị	Hằng	02/10/1993	Nữ	2.98	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1286	1221080020	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	09/02/1994	Nữ	3.10	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1287	1221080115	Nguyễn Thị	Hòa	23/10/1994	Nữ	3.38	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1288	1221080029	Bùi Nguyễn	Hoàng	14/02/1993	Nam	3.61	Xuất sắc	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1289	1221080032	Nguyễn Thị	Huệ	23/10/1994	Nữ	2.84	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1290	1221080039	Hà Thị	Lan	23/07/1994	Nữ	2.94	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1291	1221050064	Phan Thị Mỹ	Linh	08/08/1994	Nữ	2.62	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1292	1221020356	Bùi Tuấn	Linh	24/09/1994	Nam	2.74	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1293	1221080041	Nguyễn Mai	Loan	26/10/1992	Nữ	2.85	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1294	1221030105	Trần Đức	Mạnh	27/08/1994	Nam	2.71	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1295	1221080046	Phạm Thị	Nét	23/09/1994	Nữ	2.89	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
1296	1221080051	Phan Thị	Nhân	23/09/1994	Nữ	2.96	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57

182

1297	1221080055	Tô Thị Hồng	Nhung	12/04/1994	Nữ	3.17	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1298	1221080130	Lương Thùy	Ninh	24/03/1994	Nữ	3.03	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1299	1221080131	Hoàng Thị Lan	Phuong	16/12/1994	Nữ	2.81	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1300	1224010221	Lê Thị	Phuong	03/09/1994	Nữ	2.84	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1301	1221080057	Bế Thị Bích	Phuong	30/12/1994	Nữ	2.81	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1302	1221080059	Lê Bảo	Quân	13/05/1994	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1303	1221080060	Đỗ Đắc	Quyết	27/05/1994	Nam	2.99	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1304	1221080062	Đỗ Đức	Sáng	19/01/1994	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1305	1221080064	Đặng Thị	Thanh	20/01/1994	Nữ	2.92	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1306	1221080065	Trần Thị Mai	Thanh	22/03/1993	Nữ	2.92	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1307	1221080067	Nguyễn Phương	Thảo	03/10/1994	Nữ	2.84	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1308	1221080070	Trần Bá	Thế	25/05/1994	Nam	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1309	1221080071	Phạm Thị	Thom	26/04/1994	Nữ	2.98	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1310	1221080143	Hồ Thị	Thom	04/08/1994	Nữ	2.76	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1311	1221080153	Trần Thị	Thu	09/10/1994	Nữ	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1312	1221080074	Đinh Thu	Thùy	09/12/1992	Nữ	2.92	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1313	1221080080	Hoàng Thị	Trâm	15/01/1994	Nữ	2.87	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1314	1221080077	Lê Thị Ngọc	Trang	02/02/1994	Nữ	3.21	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1315	1221080078	Nguyễn Thị	Trang	04/04/1994	Nữ	2.80	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1316	1221080160	Vũ Thu	Trang	13/03/1994	Nữ	2.91	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7

142

1317	1221080161	Hoàng Thị Việt	Trình		29/07/1994	Nữ	2.85	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1318	1221080082	Trần Thành	Trung		10/02/1994	Nam	2.76	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1319	1221080084	Đặng Thị Phương	Uyên		10/09/1994	Nữ	3.01	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1320	1221080085	Dương Huy	Vinh		26/06/1994	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1321	1221080086	Lê Thị	Vui		12/03/1994	Nữ	3.05	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1322	1221080088	Vũ Thị Hải	Yến		29/10/1994	Nữ	2.94	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDSS7
1323	1121050331	Bùi Minh	Tùng		15/06/1993	Nam	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT56
1324	1121080008	Vũ Mạnh	Đạt		28/12/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT56
1325	1221040348	Nguyễn Phương	Anh		13/05/1994	Nữ	2.80	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1326	1221080003	Nguyễn Việt	Anh		19/06/1994	Nam	2.76	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1327	1221080093	Mai Thị Lan	Anh		29/12/1994	Nữ	3.02	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1328	1221080005	Lã Đức	Cánh		11/09/1993	Nam	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1329	1221080006	Bùi Linh	Chi		27/05/1994	Nữ	2.69	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1330	1221080102	Nguyễn Thị Thanh	Giang		27/02/1994	Nữ	3.18	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1331	1221080018	Hoàng Thị	Hà		07/09/1994	Nữ	2.67	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1332	1221080022	Nguyễn Thị	Hằng		08/03/1993	Nữ	2.90	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1333	1221080109	Nguyễn Thị	Hạt		08/11/1994	Nữ	3.12	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1334	1221080023	Bùi Thị	Hiền		28/08/1994	Nữ	2.86	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1335	1221080031	Phạm Thị	Huế		01/02/1994	Nữ	3.16	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1336	1221080038	Tổng Văn	Khải		16/11/1994	Nam	2.88	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57

10/2

1337	1221080119	Phạm Thị Thủy	Linh		15/08/1994	Nữ	3.06	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1338	1221080043	Nguyễn Thị Hoài	Ly		26/07/1994	Nữ	2.78	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1339	1221080047	Nguyễn Thị	Nga		24/04/1994	Nữ	2.98	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1340	1221030369	Vũ Bích	Ngọc		31/12/1994	Nữ	3.00	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1341	1221080126	Nguyễn Bá	Nguyễn		30/06/1993	Nam	2.75	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1342	1221080050	Trần Thị	Nhài		03/08/1993	Nữ	2.76	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1343	1221080054	Hoàng Thị	Nhung		15/04/1993	Nữ	2.96	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1344	1221080132	Mai Khánh	Phương		09/04/1994	Nữ	3.13	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1345	1221080133	Nguyễn Hồng	Phương		26/06/1994	Nữ	3.01	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1346	1221080135	Đỗ Mạnh	Quân		27/10/1994	Nam	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1347	1221030401	Nguyễn Thị	Sen		14/09/1994	Nữ	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1348	1221020444	Phạm Minh	Son		17/09/1994	Nam	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1349	1221080068	Lương Thị Hồng	Thắm		01/06/1994	Nữ	3.14	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1350	1221080149	Trần Thị Bảo	Thoa		30/01/1994	Nữ	3.08	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1351	1221080154	Nguyễn Thị	Thùy		26/05/1994	Nữ	3.06	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1352	1221020503	Hà Minh	Toán		29/01/1994	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1353	1221080079	Trịnh Thị Quỳnh	Trang		12/12/1994	Nữ	2.78	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1354	1221020541	Trần Thị Ngọc	Tuyết		02/03/1994	Nữ	3.00	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1355	1221080087	Nguyễn Thị Hồng	Yến		10/04/1992	Nữ	2.91	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1356	1321080515	Phùng Thị	Thoa		02/01/1995	Nữ	3.41	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58

102

1357	1321080008	Nguyễn Linh	Chi	19/11/1995	Nữ	3.80	Xuất sắc	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58
1358	1321080400	Nguyễn Thị Thủy	An	21/11/1995	Nữ	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58
1359	1221030238	Nguyễn Tuấn	Anh	24/10/1993	Nam	2.99	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1360	1221030245	Nguyễn Danh	Bách	12/03/1994	Nam	2.66	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1361	1221030252	Nguyễn Thị	Bích	31/12/1993	Nữ	2.83	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1362	1221030045	Nguyễn Mạnh	Hải	12/05/1994	Nam	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1363	1221030293	Nguyễn Hoàng	Hải	31/10/1994	Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1364	1221030204	Vũ	Hoàng	07/02/1994	Nam	2.76	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1365	1221030286	Trần Thị	Hương	10/05/1994	Nữ	3.35	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1366	1221030203	Đinh Văn	Kiểm	17/07/1994	Nam	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1367	1221030087	Nguyễn Văn	Lâm	10/06/1994	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1368	1221030092	Vũ Khánh	Linh	05/10/1994	Nữ	3.26	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1369	1221030337	Lê Kế	Linh	05/12/1993	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1370	1221030115	Tạ Thị Thanh	Nhàn	15/04/1994	Nữ	3.11	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1371	1221030121	Hoàng Thị	Phượng	30/11/1994	Nữ	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1372	1221030378	Chu Thị	Phượng	15/09/1994	Nữ	2.74	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1373	1221030395	Lê Đình	Quý	28/01/1993	Nam	3.27	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1374	1221030138	Lê Trung	Thành	08/01/1994	Nam	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1375	1221030143	Nguyễn Mạnh	Thiện	19/10/1994	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1376	1221030174	Nguyễn Đức	Trung	01/05/1994	Nam	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57

142

1377	1221030184	Nguyễn Thanh	Tùng		04/12/1993	Nam	2.91	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1378	1221030197	Nguyễn Quốc	Vương		31/10/1994	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1379	1221030492	Đoàn Thị	Yến		02/02/1994	Nữ	2.81	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
1380	1221030235	Nguyễn Thị Lan	Anh		06/10/1994	Nữ	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1381	1221030248	Đào Duy	Bảo		21/07/1994	Nam	2.98	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1382	1221030017	Lê Việt	Cường		07/08/1994	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1383	1221030034	Nguyễn Huy	Đông		10/09/1994	Nam	3.18	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1384	1221030288	Nguyễn Thị Hồng	Hà		21/01/1994	Nữ	3.42	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1385	1221030289	Phạm Thu	Hà		09/05/1994	Nữ	2.93	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1386	1221030043	Nguyễn Đức	Hải		15/06/1994	Nam	2.70	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1387	1221030279	Lê Thị Minh	Hằng		24/11/1994	Nữ	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1388	1221030053	Nguyễn Văn	Hậu		25/02/1994	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1389	1221030055	Hoàng Văn	Hiển		18/06/1994	Nam	2.80	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1390	1221030059	Nguyễn Minh	Hiệu		07/01/1993	Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1391	1221030060	Trần Văn	Hiệu		02/08/1994	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1392	1221030062	Trần Thị Phương	Hoa		07/12/1994	Nữ	2.89	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1393	1221030284	Nguyễn Mai	Hương		26/12/1994	Nữ	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1394	1221030285	Nguyễn Thị Mai	Hương		12/10/1994	Nữ	2.88	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1395	1221030327	Phạm Thị Thanh	Huyền		28/02/1993	Nữ	3.02	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1396	1221030339	Lê Thị	Lệ		27/10/1994	Nữ	2.56	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57

102

1397	1221030099	Phạm Thị Xuân	Lộc	20/11/1994	Nữ	3.11	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1398	1221030097	Hoàng Thanh	Long	16/06/1994	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1399	1221030353	Nguyễn Thị	Lý	06/10/1993	Nữ	2.70	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1400	1221030104	Dương Văn	Mạnh	28/05/1994	Nam	2.88	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1401	1221030119	Nguyễn Văn	Phòng	12/04/1994	Nam	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1402	1221030389	Nguyễn Viết	Quán	03/12/1994	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1403	1221030131	Phạm Văn	Sơn	14/11/1994	Nam	2.95	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1404	1221030405	Phạm Anh	Tài	24/11/1993	Nam	2.83	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1405	1221030407	Nguyễn Văn	Tăng	22/03/1994	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1406	1221030421	Bùi Thị	Thắm	30/01/1994	Nữ	2.79	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1407	1221030426	Trần Vĩnh	Thọ	04/04/1994	Nam	2.91	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1408	1221030434	Ngô Thị Kim	Thoa	25/05/1994	Nữ	3.20	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1409	1221030156	Trần Thị	Thư	20/11/1994	Nữ	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1410	1221030436	Ngô Thị	Thúy	10/03/1994	Nữ	3.05	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1411	1221030154	Nguyễn Thị Thu	Thúy	24/01/1994	Nữ	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1412	1221030463	Nguyễn Thị Minh	Trâm	02/07/1994	Nữ	3.01	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1413	1221030466	Phạm Thị Huyền	Trang	24/06/1994	Nữ	2.99	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1414	1221030175	Nguyễn Thành	Trung	05/01/1994	Nam	2.90	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1415	1221030460	Nguyễn Ngọc	Tú	29/09/1994	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1416	1221030479	Trần Nhật	Tuấn	11/08/1994	Nam	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57

1412

1417	1221030191	Nguyễn Thị	Tuyến		26/11/1993	Nữ	2.59	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1418	1221030195	Dương Doãn	Viên		20/10/1993	Nam	2.78	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1419	1221030491	Trịnh Thị	Xuyên		05/02/1993	Nữ	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1420	1321030179	Bùi Thị	Phương		02/07/1995	Nữ	3.62	Xuất sắc	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58A
1421	1021030083	Đỗ Thị	Hương		01/01/1992	Nữ	2.84	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI55
1422	1021030070	Cao Đình	Huân		22/08/1992	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI55
1423	1121030188	Nguyễn Văn	Trọng		17/06/1993	Nam	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI56
1424	1221030001	Nguyễn Thị Thúy	An		04/11/1994	Nữ	2.87	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI57
1425	1221030239	Phạm Trung	Anh		26/10/1994	Nam	2.88	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI57
1426	1221030006	Vũ Bá	Ba		07/06/1994	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI57
1427	1221030013	Đặng Văn	Chiến		04/09/1993	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI57
1428	1221030214	Phạm Dương	Đình		08/09/1994	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI57
1429	1221030307	Vũ Đình	Hiếu		05/01/1994	Nam	2.77	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI57
1430	1221030095	Vũ Thị	Loan		01/04/1994	Nữ	3.38	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI57
1431	1221030387	Nguyễn Xuân	Quý		04/09/1993	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI57
1432	1221030127	Đặng Thị Như	Quỳnh		07/03/1994	Nữ	3.09	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI57
1433	1221030440	Lê Xuân	Thu		20/08/1994	Nam	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI57
1434	1221030180	Lê Văn	Tuấn		29/09/1993	Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI57
1435	1221030447	Nguyễn Văn	Tùng		09/09/1994	Nam	2.79	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI57
1436	1221030483	Vũ Trọng	Vững		02/09/1991	Nam	2.95	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI57

142

1437	1021050051	Nguyễn Viết	Lâm		21/04/1992	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_55A
1438	1021030041	Đoàn Văn	Đích		17/11/1992	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_55A
1439	1021030443	Phạm Ngọc	Đức		20/03/1991	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_55A
1440	1021030406	Trịnh Trọng	Tân		20/07/1992	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_55B
1441	1021030530	Lưu Thị	Xuyến		27/09/1992	Nữ	2.98	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_55B
1442	1021030172	Ngô Trường	Thành		31/03/1992	Nam	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_55B
1443	1221030236	Nguyễn Thị Vân	Anh		20/01/1994	Nữ	3.32	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
1444	1221030007	Mai Xuân	Bàng		20/01/1994	Nam	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
1445	1221030015	Trần Văn	Chiến		16/04/1994	Nam	2.12	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
1446	1221030030	Hoàng Tiến	Đạt		17/01/1994	Nam	2.76	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
1447	1221020036	Lê Tiến	Đạt		22/11/1993	Nam	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
1448	1221030037	Đỗ Trọng	Giang		01/04/1993	Nam	2.70	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
1449	1221030306	Trần Huy	Hiệp		26/07/1994	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
1450	1221030320	Văn Thị	Hoa		20/09/1994	Nữ	3.02	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
1451	1221030064	Phạm Văn	Hòa		02/07/1994	Nam	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
1452	1221030073	Nguyễn Thế	Hợp		20/03/1994	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
1453	1221030301	Nguyễn Năng	Hùng		25/11/1993	Nam	2.93	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
1454	1221030083	Vũ Đình	Khôi		19/10/1994	Nam	2.66	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
1455	1221030086	Trần Xuân	Kiên		04/10/1994	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
1456	1221030340	Phạm Thị	Lệ		17/09/1994	Nữ	3.31	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A

162

1457	1221030094	Nguyễn Thị Loan	26/11/1994	Nữ	3.54	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57A
1458	1221030343	Ngô Văn Long	24/08/1994	Nam	2.85	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57A
1459	1221030108	Nguyễn Đức Minh	31/07/1994	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57A
1460	1221030111	Nguyễn Trọng Nam	10/08/1994	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57A
1461	1221030394	Tô Huy Quỳnh	13/07/1994	Nam	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57A
1462	1221030129	Phạm Văn Sâm	05/06/1994	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57A
1463	1221030441	Nguyễn Đức Thuận	07/06/1993	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57A
1464	1221030172	Phan Công Triển	01/06/1993	Nam	3.06	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57A
1465	1221030188	Trịnh Xuân Tùng	11/10/1993	Nam	2.66	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57A
1466	1221030189	Vũ Văn Tùng	15/07/1993	Nam	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57A
1467	1221030408	Nguyễn Văn Tường	08/12/1994	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57A
1468	1221030481	Lê Huy Văn	10/10/1994	Nam	3.47	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57A
1469	1221030489	Lê Văn Việt	01/04/1993	Nam	3.00	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57A
1470	1221030198	Trần Quốc Vương	11/09/1994	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57A
1471	1221030240	Trần Thị Lan Anh	01/10/1994	Nữ	3.42	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1472	1221030249	Trần Văn Bảo	21/12/1993	Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1473	1221030011	Nguyễn Văn Cao	01/06/1992	Nam	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1474	1221030032	Nguyễn Quốc Đoàn	16/04/1994	Nam	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1475	1221030266	Dương Đình Dũng	26/06/1994	Nam	2.65	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1476	1221030029	Nguyễn Thị Dương	10/05/1994	Nữ	3.31	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B

1472

1477	1221030040	Phạm Thị Thanh	Hà	27/11/1994	Nữ	3.27	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1478	1221030065	Nguyễn Đình	Hóa	13/03/1994	Nam	3.05	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1479	1221030069	Nguyễn Minh	Hoàng	17/08/1994	Nam	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1480	1221030078	Đặng Hữu	Hung	08/01/1994	Nam	3.36	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1481	1221030500	Tổng Thị	Hung	11/12/1994	Nữ	3.27	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1482	1221030077	Phạm Thị Thanh	Huyền	22/01/1994	Nữ	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1483	1221030088	Đặng Thị	Linh	26/10/1994	Nữ	3.11	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1484	1221030089	Phạm Đức	Linh	02/05/1994	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1485	1221030404	Nguyễn Thanh	Tân	24/12/1993	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1486	1221030142	Trịnh Quang	Thắng	02/04/1994	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1487	1221030158	Nguyễn Văn	Tiến	23/01/1994	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1488	1221030455	Đới Sỹ	Tiền	15/10/1994	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1489	1221030402	Trần Thị	Tình	27/02/1994	Nữ	3.09	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1490	1221030164	Nguyễn Duy	Toàn	15/01/1993	Nam	2.98	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1491	1221030465	Nguyễn Thị Thu	Trang	10/01/1994	Nữ	3.13	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1492	1221030187	Trần Thanh	Tùng	16/08/1994	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1493	1221030488	Hồ Văn	Việt	26/07/1993	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57B
1494	1221030003	Phạm Thị Vân	Anh	21/06/1994	Nữ	3.11	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57C
1495	1221030008	Cao Thị	Bích	17/06/1993	Nữ	3.17	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57C
1496	1221030012	Trịnh Sỹ	Chát	21/12/1994	Nam	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57C

1492

1497	1221030254	Vũ Văn	Cương	11/08/1994	Nam	2.73	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1498	1221030020	Phạm Văn	Cường	08/03/1994	Nam	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1499	1221030277	Đào Thị Thanh	Hằng	01/05/1994	Nữ	2.96	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1500	1221030294	Vũ Thị	Hào	01/10/1994	Nữ	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1501	1221030304	Nguyễn Thủy	Hiền	16/09/1994	Nữ	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1502	1221030309	Lê Trung	Hiếu	23/07/1994	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1503	1221030070	Nguyễn Minh	Hoàng	30/12/1994	Nam	2.91	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1504	1221030072	Hà Văn	Hoạt	15/11/1993	Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1505	1221030329	Phạm An	Khang	20/08/1994	Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1506	1221030080	Nguyễn Thọ	Khánh	25/05/1994	Nam	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1507	1221030082	Nguyễn Văn	Khoa	11/05/1994	Nam	2.77	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1508	1221030090	Phạm Thị	Linh	28/09/1994	Nữ	3.27	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1509	1221030355	Nguyễn Văn	Mạnh	12/08/1994	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1510	1221030382	Vũ Thị	Phương	22/10/1994	Nữ	3.10	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1511	1221020429	Ngô Hồng	Quân	25/10/1994	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1512	1221030414	Phạm Hồng	Thái	25/05/1994	Nam	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1513	1221030162	Nguyễn Đình	Tiện	25/09/1994	Nam	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1514	1221030169	Hoàng Hoài	Trang	14/09/1994	Nữ	3.30	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1515	1221030178	Đỗ Trung	Tuân	24/07/1994	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C
1516	1221030185	Phạm Hồng	Tùng	07/07/1994	Nam	2.79	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD57C

nhc

1517	1221030194	Trần Anh	Văn	08/01/1993	Nam	3.01	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57C
1518	1221030485	Đinh Công	Viên	01/02/1992	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57C
1519	1221030200	Phạm Thanh	Xuân	21/12/1994	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTD57C
1520	0921030376	Phạm Hoài	Sơn	19/06/1991	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTD54
1521	1221030215	Nguyễn Anh	Đắc	27/10/1994	Nam	2.98	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTD57
1522	1221030210	Cao Văn	Đán	13/07/1994	Nam	2.81	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTD57
1523	1221030222	Nguyễn Anh	Đoài	23/08/1994	Nam	2.76	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTD57
1524	1221030023	Bùi Đăng	Dũng	04/05/1994	Nam	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTD57
1525	1221030026	Vũ Đăng	Dũng	06/09/1994	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTD57
1526	1221030028	Nguyễn Phương	Duy	07/02/1994	Nam	2.82	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTD57
1527	1221030299	Bùi Văn	Hai	27/07/1993	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTD57
1528	1221030047	Bùi Công	Hạnh	11/12/1994	Nam	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTD57
1529	1221030057	Cao Tuấn	Hiếu	02/06/1993	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTD57
1530	1221030302	Trương Văn	Hùng	09/10/1994	Nam	3.14	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTD57
1531	1221030312	Nguyễn Văn Tuấn	Hung	06/03/1993	Nam	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTD57
1532	1221030076	Trịnh Quốc	Huy	30/07/1994	Nam	3.34	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTD57
1533	1221030096	Bùi Văn	Long	02/01/1994	Nam	3.02	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTD57
1534	1221030102	Nguyễn Đức	Lương	28/07/1994	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTD57
1535	1221030380	Phan Xuân	Phương	06/09/1994	Nam	2.90	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTD57
1536	1221030130	Đinh Văn	Sơn	01/11/1994	Nam	2.74	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTD57

1532

1537	1221030133	Trịnh Hữu	Sự	15/04/1994	Nam	2.88	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTDTM57
1538	1221030428	Phạm Ngọc	Thao	13/06/1994	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTDTM57
1539	1221030168	Hoàng Tân	Trà	04/12/1994	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTDTM57
1540	1221030486	Nguyễn Văn	Vượng	05/10/1994	Nam	2.84	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa Mô-Công trình	DCTDTM57
1541	1221070007	Vũ Đức	Anh	19/07/1994	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1542	1224010005	Nguyễn Đức	Anh	14/10/1994	Nam	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1543	1221070008	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	29/09/1994	Nữ	3.18	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1544	1221070011	Nghiêm Xuân	Bách	08/02/1994	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1545	1221070015	Nguyễn Thanh	Bình	31/12/1994	Nam	3.48	Giỏi	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1546	1221070035	Trần Đức	Đặng	10/10/1994	Nam	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1547	1221070026	Bùi Văn	Doanh	24/04/1994	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1548	1221070188	Trần Văn	Đức	12/11/1993	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1549	1221070048	Cánh Chi	Hải	14/02/1994	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1550	1221070056	Nguyễn Văn	Hiếu	07/11/1993	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1551	1221070060	Nguyễn Tiên	Hoàng	16/06/1993	Nam	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1552	1221070063	Nguyễn Đức	Huân	20/06/1993	Nam	2.99	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1553	1221070231	Nguyễn Thị	Huyền	06/06/1994	Nữ	2.54	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1554	1221070084	Vũ Phú	Kiến	10/02/1994	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1555	1221070085	Đình Tuấn	Kiệt	07/12/1993	Nam	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1556	1221070236	Nguyễn Tùng	Lâm	13/08/1994	Nam	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57

16.2

1557	1221070103	Phạm Văn	Minh	13/07/1994	Nam	2.98	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1558	1221070105	Nguyễn Văn	Nam	14/11/1994	Nam	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1559	1221070250	Nguyễn Thị Hồng	Nhâm	11/10/1992	Nữ	2.50	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1560	1221070255	Nguyễn Văn	Phong	18/10/1990	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1561	1221070259	Hoàng Trọng	Quyền	19/07/1994	Nam	2.75	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1562	1221070272	Phùng Mạnh	Thắng	11/06/1994	Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1563	1221070149	Vũ Minh	Thế	04/04/1994	Nam	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1564	1221070277	Hồ Đức	Thịnh	26/08/1994	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1565	1221050425	Nguyễn Quang	Triệu	18/11/1994	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1566	1221070176	Nguyễn Văn	Việt	29/07/1993	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1567	1221070303	Muộn Văn	Vũ	24/08/1993	Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
1568	1221050151	Nguyễn Tuấn	Anh	06/08/1994	Nam	2.94	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1569	1221070009	Hoàng Thế	Ba	14/02/1994	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1570	1221070010	Nguyễn Văn	Ba	25/06/1993	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1571	1221070012	Nguyễn Đức	Bảo	27/07/1994	Nam	2.10	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1572	1221070016	Nguyễn Văn	Bộ	31/01/1994	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1573	1221070032	Lê Thành	Đạt	27/06/1994	Nam	2.79	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1574	1221070213	Lê Thị	Dung	25/12/1994	Nữ	3.21	Giỏi	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1575	1221070208	Hứa Duy	Dương	17/04/1994	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1576	1221070092	Đình Hồng	Long	11/11/1994	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57

1572

1577	1221070093	Phùng Ngọc	Long	12/06/1994	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1578	1221070097	Nguyễn Văn	Luân	30/06/1994	Nam	2.84	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1579	1221070098	Nguyễn Tuấn	Lực	19/09/1993	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1580	1221070119	Lê Xuân	Quang	06/09/1993	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1581	1221070134	Nguyễn Thái	Sơn	05/07/1993	Nam	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1582	1221070144	Phạm Đức	Thắng	02/11/1993	Nam	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1583	1221070153	Trịnh Quang	Tiến	03/10/1993	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1584	1221030471	Lê Quang	Trung	29/09/1994	Nam	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1585	1221070161	Bùi Xuân	Trường	05/11/1994	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1586	1221070162	Nguyễn Văn	Trường	25/03/1994	Nam	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1587	1221070165	Phạm Văn	Tú	06/05/1994	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1588	1221070169	Nguyễn Thanh	Tùng	16/05/1988	Nam	2.91	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
1589	0821040208	Phạm Văn	Đại	28/02/1990	Nam	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCMONM54
1590	1021040117	Trần Thái	Học	20/09/1992	Nam	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCMONM55A
1591	1021040363	Đậu Quốc	Việt	15/02/1992	Nam	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCMONM55B
1592	1121070015	Trần Công	Huỳnh	11/01/1993	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCMONM56
1593	1221070001	Đỗ Thế	Anh	21/07/1994	Nam	2.74	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM57
1594	1221070003	Nguyễn Đức	Anh	28/01/1994	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM57
1595	1221070004	Nguyễn Trọng	Anh	01/02/1994	Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM57
1596	1221070013	Nguyễn Ngọc	Bích	07/12/1994	Nam	2.92	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM57

16/12

1597	1221070014	Nguyễn Trường	Biển		25/07/1994	Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1598	1221070018	Nguyễn Đình	Chiều		22/05/1993	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1599	1221070019	Lê Quang	Chung		07/10/1994	Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1600	1221070036	Đình Văn	Điệp		28/02/1994	Nam	3.68	Xuất sắc	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1601	1221070025	Nguyễn Văn	Dĩnh		27/08/1994	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1602	1221070027	Phạm Văn	Doanh		29/08/1994	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1603	1221070039	Đặng Văn	Đồng		14/11/1994	Nam	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1604	1221070504	Nguyễn Văn	Hải		09/01/1993	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1605	1221070065	Nguyễn Thanh	Hùng		13/09/1994	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1606	1221070077	Dương Ngọc	Khánh		23/02/1994	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1607	1221070235	Nguyễn Tùng	Lâm		10/02/1994	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1608	1221070100	Nguyễn Hùng	Mạnh		26/12/1994	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1609	1221030368	Lê Nguyễn	Ngọc		07/03/1994	Nam	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1610	1221070109	Nguyễn Phan	Nguyễn		12/02/1994	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1611	1221070117	Trịnh Thế	Phuong		06/10/1994	Nam	2.91	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1612	1221070122	Lương Hồng	Quân		13/08/1994	Nam	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1613	1221070121	Vũ Mạnh	Quang		30/07/1994	Nam	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1614	1221070129	Nguyễn Xuân	Quỳnh		28/10/1994	Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1615	1221070136	Trần Thái	Son		04/02/1994	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57
1616	1221070159	Nguyễn Công	Trung		22/08/1994	Nam	2.73	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNNM57

162

1617	1221070286	Hoàng Văn	Tú	13/07/1993	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM57
1618	1021040463	Nguyễn Mạnh	Huỳnh	09/08/1992	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCMOXN55
1619	1021020300	Nguyễn Sơn	Tùng	02/09/1991	Nam	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCMOXN55
1620	1121070137	Trần Quang	Định	16/05/1993	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCMOXN56
1621	1121060112	Phạm Quang	Nghĩa	07/11/1993	Nam	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCMOXN56
1622	1221070002	Mai Thị Vân	Anh	02/01/1994	Nữ	2.88	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1623	1221070191	Dương Tuấn	Anh	17/02/1994	Nam	2.91	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1624	1221070040	Nguyễn Phú	Đông	17/12/1994	Nam	2.83	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1625	1221070045	Ngô Thanh	Đức	16/08/1994	Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1626	1221070029	Phạm Văn	Duy	16/07/1994	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1627	1221070220	Nguyễn Đình	Hải	13/11/1994	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1628	1221070052	Mai Đức	Hào	26/08/1994	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1629	1221070053	Vũ Văn	Hào	02/02/1992	Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1630	1221070223	Đỗ Xuân	Hùng	24/09/1994	Nam	3.01	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1631	1221070067	Nguyễn Như	Huy	16/11/1994	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1632	1221070088	Nguyễn Thị	Lịch	01/10/1994	Nữ	3.20	Giỏi	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1633	1221070114	Nguyễn Duy	Phong	29/07/1994	Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1634	1221070137	Trần Thanh	Sơn	04/07/1994	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1635	1221070138	Dương Văn	Tài	10/01/1993	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1636	1221070143	Nguyễn Tiến	Thành	14/11/1994	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57

102

1637	1221070289	Nguyễn Ngọc	Toán	13/10/1994	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1638	1221070290	Tổng Nguyễn	Toán	20/10/1993	Nam	3.18	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1639	1221070157	Phạm Minh	Trí	15/02/1994	Nam	2.74	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1640	1221070170	Phạm Văn	Tùng	23/05/1994	Nam	2.94	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1641	1221070171	Trần Bá	Tùng	01/06/1994	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
1642	1221070282	Trần Tiến	Tùng	10/10/1994	Nam	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57

1642

Số: 1047/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 58, khóa 59 và khóa 60 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 122 sinh viên liên thông cao đẳng lên đại học ngành đào tạo: Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật Điện, điện tử, Kỹ thuật Địa chất, Kế toán, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ và Kỹ thuật Công trình xây dựng (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₄₎



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 1 - NĂM 2017 (TÍN CHỈ)

(Kèm theo Quyết định số 1047/QĐ-MĐC ngày 04 tháng 8 năm 2017)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	1531060019	Phan Nguyễn	Đạt	23/08/1994	Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	LCCDCD60
2	1531060021	Nguyễn Văn	Hòa	18/04/1994	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	LCCDCD60
3	1531060022	Nguyễn Văn	Hưng	21/03/1994	Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	LCCDCD60
4	1531060024	Nguyễn Văn	Mạnh	05/02/1993	Nam	2.88	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	LCCDCD60
5	1531060026	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	22/7/1994	Nữ	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	LCCDCD60
6	1531060034	Bùi Khánh	Tùng	31/8/1994	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	LCCDCD60
7	1531060035	Vũ Văn	Tùng	19/01/1994	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	LCCDCD60
8	1531060036	Lê Anh	Văn	23/5/1993	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	LCCDCD60
9	1531060037	Bùi Hữu	Việt	19/6/1994	Nam	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	LCCDCD60
10	1331060300	Nguyễn Văn	Bình	24/02/1992	Nam	2.10	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	LCCDTS58
11	1431060028	Nguyễn Văn	Mạnh	26/8/1993	Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	LCCDTS59
12	1531060004	Bùi Văn	Hoàng	10/4/1994	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK60
13	1531060002	Phạm Tiến	Bình	15/9/1994	Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK60
14	1531060003	Nguyễn Đức	Chính	08/5/1993	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK60
15	1531060008	Nguyễn Hữu	Lực	03/11/1994	Nam	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK60
16	1531060007	Đỗ Hữu	Lương	29/11/1993	Nam	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK60
17	1531060009	Trần Văn	Ninh	21/01/1992	Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK60

GIẤY

12

18	1531060010	Phạm Văn	Quyền	23/3/1994	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK60
19	1531060011	Phạm Văn	Tấn	02/02/1994	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK60
20	1531060013	Bùi Xuân	Trường	09/10/1994	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK60
21	1531020003	Bùi Thị	ánh	18/4/1993	Nam	2.84	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
22	1531020007	Nguyễn Viết	Cường	23/6/1992	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
23	1531020010	Trung Văn	Đức	25/7/1993	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
24	1531020017	Nguyễn Thị Thu	Hương	19/02/1994	Nam	2.88	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
25	1531020019	Nguyễn Văn	Khoa	25/3/1993	Nam	3.00	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
26	1531020020	Lê Văn	Long	13/5/1994	Nam	2.73	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
27	1531020022	Nguyễn Quý	Lượng	13/7/1994	Nam	2.82	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
28	1531020023	Nguyễn Nhật	Minh	30/8/1992	Nam	2.70	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
29	1531020024	Nguyễn Hữu	Nam	10/7/1994	Nam	2.80	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
30	1531020025	Phạm Thị	Nhật	02/7/1993	Nam	3.10	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
31	1531020026	Phạm Thị	Nhung	25/01/1994	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
32	1531020033	Nguyễn Ngọc	Thân	22/3/1992	Nam	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
33	1531020029	Trần Văn	Thao	28/12/1994	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
34	1531020031	Hoàng Văn	Thảo	10/11/1994	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
35	1531020036	Trần Đức	Thịnh	04/8/1994	Nam	3.01	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
36	1531020041	Mai Văn	Tiến	1/8/1993	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60
37	1531020047	Hoàng Thị	Tuyết	8/9/1993	Nam	3.53	Giỏi	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60

1/ 2012

38	1434010045	Lê Anh	Trung	6/9/1993	Nam	2.29	Trung bình	Kế toán	Kế toán	LCKTKT59
39	1434010004	Nguyễn Văn	Chung	18/9/1993	Nam	2.32	Trung bình	Kế toán	Kế toán	LCKTKT59
40	1434010034	Lê Thị Ngọc	Thúy	25/08/1993	Nữ	2.68	Khá	Kế toán	Kế toán	LCKTKT59
41	1534010003	Phương Lan	Anh	08/10/1994	Nam	3.15	Khá	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60
42	1534010006	Đào Thị Hương	Cần	10/8/1989	Nam	2.99	Khá	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60
43	1534010007	Nguyễn Thị	Châm	29/4/1994	Nam	3.08	Khá	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60
44	1534010011	Phan Thị Hương	Giang	23/5/1994	Nữ	3.45	Giỏi	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60
45	1534010013	Trần Thị Thảo	Hoài	18/8/1993	Nữ	2.96	Khá	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60
46	1534010018	Đào Diệu	Linh	27/6/1993	Nam	2.52	Khá	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60
47	1534010023	Nguyễn Thị	Ngọc	05/5/1993	Nam	3.19	Khá	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60
48	1534010025	Hồ Thanh	Quang	24/11/1994	Nam	2.62	Khá	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60
49	1534010026	Nguyễn Thị	Quỳnh	01/06/1994	Nam	3.51	Giỏi	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60
50	1534010028	Nguyễn Thị	Suất	19/9/1994	Nam	3.15	Khá	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60
51	1534010029	Trịnh Thị Phương	Thảo	29/3/1993	Nam	2.67	Khá	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60
52	1534010031	Nguyễn Thị	Thương	09/5/1994	Nam	3.42	Giỏi	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60
53	1534010030	Đỗ Thị Minh	Thúy	26/10/1994	Nam	2.69	Khá	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60
54	1534010032	Đỗ Hữu	Tiến	25/8/1994	Nam	2.73	Khá	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60
55	1534010033	Nguyễn Thị	Tín	21/3/1994	Nam	2.87	Khá	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60
56	1534010036	Lê Thị	Trinh	30/6/1993	Nam	3.10	Khá	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60
57	1534010039	Dương Thị	Tuyết	06/02/1994	Nam	2.96	Khá	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60

102

101 102 103 104 105 106 107 108 109 110 111 112 113 114 115 116 117 118 119 120 121 122 123 124 125 126 127 128 129 130 131 132 133 134 135 136 137 138 139 140 141 142 143 144 145 146 147 148 149 150 151 152 153 154 155 156 157 158 159 160 161 162 163 164 165 166 167 168 169 170 171 172 173 174 175 176 177 178 179 180 181 182 183 184 185 186 187 188 189 190 191 192 193 194 195 196 197 198 199 200 201 202 203 204 205 206 207 208 209 210 211 212 213 214 215 216 217 218 219 220 221 222 223 224 225 226 227 228 229 230 231 232 233 234 235 236 237 238 239 240 241 242 243 244 245 246 247 248 249 250 251 252 253 254 255 256 257 258 259 260 261 262 263 264 265 266 267 268 269 270 271 272 273 274 275 276 277 278 279 280 281 282 283 284 285 286 287 288 289 290 291 292 293 294 295 296 297 298 299 300 301 302 303 304 305 306 307 308 309 310 311 312 313 314 315 316 317 318 319 320 321 322 323 324 325 326 327 328 329 330 331 332 333 334 335 336 337 338 339 340 341 342 343 344 345 346 347 348 349 350 351 352 353 354 355 356 357 358 359 360 361 362 363 364 365 366 367 368 369 370 371 372 373 374 375 376 377 378 379 380 381 382 383 384 385 386 387 388 389 390 391 392 393 394 395 396 397 398 399 400 401 402 403 404 405 406 407 408 409 410 411 412 413 414 415 416 417 418 419 420 421 422 423 424 425 426 427 428 429 430 431 432 433 434 435 436 437 438 439 440 441 442 443 444 445 446 447 448 449 450 451 452 453 454 455 456 457 458 459 460 461 462 463 464 465 466 467 468 469 470 471 472 473 474 475 476 477 478 479 480 481 482 483 484 485 486 487 488 489 490 491 492 493 494 495 496 497 498 499 500 501 502 503 504 505 506 507 508 509 510 511 512 513 514 515 516 517 518 519 520 521 522 523 524 525 526 527 528 529 530 531 532 533 534 535 536 537 538 539 540 541 542 543 544 545 546 547 548 549 550 551 552 553 554 555 556 557 558 559 560 561 562 563 564 565 566 567 568 569 570 571 572 573 574 575 576 577 578 579 580 581 582 583 584 585 586 587 588 589 590 591 592 593 594 595 596 597 598 599 600 601 602 603 604 605 606 607 608 609 610 611 612 613 614 615 616 617 618 619 620 621 622 623 624 625 626 627 628 629 630 631 632 633 634 635 636 637 638 639 640 641 642 643 644 645 646 647 648 649 650 651 652 653 654 655 656 657 658 659 660 661 662 663 664 665 666 667 668 669 670 671 672 673 674 675 676 677 678 679 680 681 682 683 684 685 686 687 688 689 690 691 692 693 694 695 696 697 698 699 700 701 702 703 704 705 706 707 708 709 710 711 712 713 714 715 716 717 718 719 720 721 722 723 724 725 726 727 728 729 730 731 732 733 734 735 736 737 738 739 740 741 742 743 744 745 746 747 748 749 750 751 752 753 754 755 756 757 758 759 760 761 762 763 764 765 766 767 768 769 770 771 772 773 774 775 776 777 778 779 780 781 782 783 784 785 786 787 788 789 790 791 792 793 794 795 796 797 798 799 800 801 802 803 804 805 806 807 808 809 810 811 812 813 814 815 816 817 818 819 820 821 822 823 824 825 826 827 828 829 830 831 832 833 834 835 836 837 838 839 840 841 842 843 844 845 846 847 848 849 850 851 852 853 854 855 856 857 858 859 860 861 862 863 864 865 866 867 868 869 870 871 872 873 874 875 876 877 878 879 880 881 882 883 884 885 886 887 888 889 890 891 892 893 894 895 896 897 898 899 900 901 902 903 904 905 906 907 908 909 910 911 912 913 914 915 916 917 918 919 920 921 922 923 924 925 926 927 928 929 930 931 932 933 934 935 936 937 938 939 940 941 942 943 944 945 946 947 948 949 950 951 952 953 954 955 956 957 958 959 960 961 962 963 964 965 966 967 968 969 970 971 972 973 974 975 976 977 978 979 980 981 982 983 984 985 986 987 988 989 990 991 992 993 994 995 996 997 998 999 1000

58	1534010040	Trần Thủy	Vân	16/02/1994	Nữ	2.99	Khá	Kế toán	Kế toán	LCKTKT60
59	1531040004	Ngô Đình	Chính	16/6/1994	Nam	2.85	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
60	1531040006	Hứa Mạnh	Dũng	01/3/1993	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
61	1531040007	Nguyễn Đăng	Dương	24/01/1994	Nam	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
62	1531040011	Trần Xuân	Hải	12/5/1992	Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
63	1531040014	Lê Văn	Hiền	06/7/1992	Nam	2.91	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
64	1531040015	Vũ Đình	Huy	23/9/1994	Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
65	1531040016	Trần Sách	Khang	02/11/1993	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
66	1531040018	Bùi Hải	Linh	15/11/1994	Nữ	2.93	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
67	1531040404	Lê Mã	Lương	17/10/1994	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
68	1531040019	Bùi Hải	Nam	14/6/1992	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
69	1531040405	Phạm Hữu	Nghị	07/9/1993	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
70	1531040026	Nguyễn Minh	Sáng	17/7/1993	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
71	1531040031	Nguyễn Thị	Thủy	06/5/1993	Nữ	2.89	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
72	1531040034	Bùi Văn	Trang	29/9/1993	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
73	1531040407	Nguyễn Đức	Trung	10/01/1994	Nam	3.06	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
74	1531040038	Nguyễn Thanh	Tùng	17/3/1994	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
75	1531040036	Nguyễn Văn	Tuyến	02/10/1993	Nam	2.73	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
76	1531040039	Nguyễn Văn	Ước	28/02/1994	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
77	1531040040	Hùn Vi	Vinh	28/6/1994	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60

102

1531040004

78	1531040041	Nguyễn Thành	Vũ	11/1/1993	Nam	2.91	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
79	1531040042	Hoàng Văn	Xô	28/8/1993	Nam	2.83	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác	LCMOMO60
80	1431030033	Lê Viết	Thanh	9/12/1993	Nam	2.88	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC59
81	1431030001	Phạm Thị Kim	Anh	6/2/1993	Nữ	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC59
82	1431030018	Nguyễn Đức	Lợi	28/02/1989	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC59
83	1431030014	Trần Văn	Hiệp	16/11/1992	Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC59
84	1431030030	Đỗ Hồng	Quyền	16/10/1991	Nam	2.77	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC59
85	1431030034	Trần Thị	Thanh	08/9/1993	Nữ	2.92	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC59
86	1531030002	Nguyễn Tuấn	Anh	21/10/1992	Nam	3.29	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
87	1531030401	Nguyễn Tuấn	Anh	21/7/1992	Nam	2.80	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
88	1531030416	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	15/10/1994	Nữ	3.10	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
89	1531030414	Đàm Phương	Hiếu	17/3/1992	Nam	3.53	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
90	1531030019	Nguyễn Thị	Hồng	06/3/1994	Nữ	3.41	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
91	1531030020	Nguyễn Khánh	Hùng	09/6/1994	Nam	3.75	Xuất sắc	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
92	1531030432	Trần Thị Thủy	Nga	06/7/1993	Nữ	3.58	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
93	1531030038	Phạm Ánh	Ngọc	10/10/1994	Nữ	3.48	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
94	1531030044	Nguyễn Duy	Quyền	10/4/1992	Nam	3.11	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
95	1531030439	Lộc Linh	Thảo	15/4/1993	Nữ	3.20	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
96	1531030052	Lê Duy	Thuận	26/6/1994	Nam	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
97	1531030442	Phạm Huyền	Trang	09/12/1994	Nữ	3.15	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60

1531030442

98	1531030058	Nguyễn Văn	Trọng	04/7/1994	Nam	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
99	1531030060	Lê Sỹ	Trường	09/8/1992	Nam	3.05	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
100	1531030443	Hoàng Hồng	Vân	21/01/1993	Nữ	3.35	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
101	1531030448	Vũ Thị Ngọc	Xuyến	15/3/1993	Nữ	3.58	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
102	1531030003	Đoàn Phương	Anh	24/02/1994	Nữ	3.64	Xuất sắc	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTC60
103	1531030034	Nguyễn Thúy	Ngân	18/02/1992	Nữ	3.32	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTC60
104	1531030041	Bùi Ngọc	Oai	15/3/1992	Nam	3.03	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTC60
105	1531030045	Đào Thị Thu	Quỳnh	30/7/1979	Nữ	3.10	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTC60
106	1531030055	Đặng	Tín	18/12/1993	Nam	2.95	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTC60
107	1531030057	Phan Huy	Triển	03/12/1992	Nam	3.52	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTC60
108	1531030065	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	16/12/1993	Nam	3.18	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTC60
109	1531030067	Nguyễn Thị	Vân	20/7/1993	Nữ	3.43	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTC60
110	1331070315	Nguyễn Văn	Tân	10/2/1991	Nam	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	LCXDDC58
111	1331070316	Nguyễn Văn	Thành	15/10/1984	Nam	2.85	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	LCXDDC58
112	1431070001	Nguyễn Đức	Anh	12/2/1993	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	LCXDXD59
113	1431070007	Phan Ngọc	Hiếu	21/7/1992	Nam	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	LCXDXD59
114	1431070017	Bùi Tất	Thành	19/4/1993	Nam	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	LCXDXD59
115	1431070023	Trần Văn	Tuấn	6/3/1993	Nam	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	LCXDXD59
116	1431070008	Cao Ngọc	Hòa	26/11/1992	Nam	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	LCXDXD59
117	1431070022	Cao Anh	Tuấn	18/7/1993	Nam	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	LCXDXD59

102

118	1431070016	Nguyễn Văn	Phổ	4/5/1993	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	LCXD XD59
119	1431070014	Vũ Tiến	Mạnh	31/10/1993	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	LCXD XD59
120	1431070003	Đỗ Trung	Dũng	19/05/1993	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	LCXD XD59
121	1431070020	Vũ Đình	Trọng	29/12/1993	Nam	2.81	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	LCXD XD59
122	1431070010	Vũ Đức	Hồng	06/06/1993	Nam	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	LCXD XD59

102

Số: 1048 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên cao đẳng - khóa 58 và khóa 59 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 81 sinh viên cao đẳng ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật địa chất, Kế toán, Công nghệ kỹ thuật mỏ, Công nghệ kỹ thuật trắc địa và Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₀₄₎



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 1 - NĂM 2017 (TÍN CHỈ)

(Kèm theo Quyết định số 1048/QĐ-MĐC ngày 04 tháng 8 năm 2017)



ST T	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	1311060092	Đoàn Văn	Hùng	19/12/1995	Nam	2.18	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	CCCDĐK58
2	1311060057	Phan Văn	Hà	05/12/1995	Nam	2.25	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	CCCDĐK58
3	1411060005	Vũ Thế	Anh	03/07/1995	Nam	2.05	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	CCCDĐK59
4	1411060022	Liêu Văn	Danh	04/07/1994	Nam	2.12	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	CCCDĐK59
5	1411060030	Trần Đình	Dur	05/03/1996	Nam	2.17	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	CCCDĐK59
6	1411060050	Nguyễn Văn	Hiên	21/04/1996	Nam	2.60	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	CCCDĐK59
7	1411060111	Phùng Văn	Mạnh	02/11/1996	Nam	2.04	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	CCCDĐK59
8	1411060144	Nguyễn Văn	Son	17/07/1996	Nam	2.09	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	CCCDĐK59
9	1411060193	Nguyễn Văn	Tú	12/01/1995	Nam	2.18	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	CCCDĐK59
10	1311060070	Cao Văn	Hiếu	28/06/1995	Nam	2.01	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Tự động hóa	CCCDTD58
11	1311060018	Vũ Đức	Chung	27/09/1995	Nam	2.18	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Tự động hóa	CCCDTD58
12	1311060196	Nguyễn Gia	Toàn	25/04/1995	Nam	2.01	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Tự động hóa	CCCDTD58
13	1311060180	Trần Minh	Thiện	02/04/1994	Nam	2.03	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Tự động hóa	CCCDTD58
14	1311060037	Lại Thế	Dương	22/07/1992	Nam	2.05	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Tự động hóa	CCCDTD58
15	1311060127	Nguyễn Văn	Minh	01/11/1994	Nam	2.05	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Tự động hóa	CCCDTD58
16	1411060052	Nguyễn Đức	Hiệp	29/08/1995	Nam	2.29	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Tự động hóa	CCCDTD59
17	1411060115	Tạ Việt	Minh	25/11/1996	Nam	2.08	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Tự động hóa	CCCDTD59

182

18	1411060125	Trần Anh	Nghĩa	03/04/1996	Nam	2.22	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	CCCDTD59
19	1411060186	Hoàng Minh	Trường	27/11/1996	Nam	2.45	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	CCCDTD59
20	1411050002	Nguyễn Tuấn	Anh	18/11/1996	Nam	2.51	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	CCCTCT59
21	1411050008	Nguyễn Văn	Chính	12/02/1996	Nam	2.54	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	CCCTCT59
22	1411050055	Trần Anh	Phượng	12/09/1996	Nam	2.31	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	CCCTCT59
23	1311020014	Phạm Xuân	Đăng	07/12/1995	Nam	2.07	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCCD58
24	1411020004	Hồ Minh	ánh	20/05/1995	Nam	2.40	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCCD59
25	1411020018	Đinh Phú	Hưng	09/02/1994	Nam	2.34	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCCD59
26	1411020025	Đỗ Huy	Mạnh	25/04/1996	Nam	2.12	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCCD59
27	1411020030	Nguyễn Thị	Phượng	15/07/1995	Nữ	2.89	Khá	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCCD59
28	1411020033	Lê Đình	Quân	08/06/1996	Nam	2.44	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCCD59
29	1411020035	Lê Trọng	Son	03/09/1995	Nam	2.08	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCCD59
30	1411020040	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/01/1996	Nữ	2.60	Khá	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCCD59
31	1414010002	Phạm Ngọc	Anh	01/05/1996	Nữ	2.34	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CCKTKT59
32	1414010023	Phạm Thị Thu	Hàng	04/01/1996	Nữ	2.97	Khá	Kế toán	Kế toán	CCKTKT59
33	1414010020	Tống Thị	Hạnh	19/02/1995	Nữ	2.64	Khá	Kế toán	Kế toán	CCKTKT59
34	1414010021	Phan Thị Thu	Hào	10/02/1996	Nữ	2.45	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CCKTKT59
35	1414010025	Phạm Thị	Hiền	19/02/1996	Nữ	2.42	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CCKTKT59
36	1414010035	Lê Thị	Khuyên	06/09/1996	Nữ	2.55	Khá	Kế toán	Kế toán	CCKTKT59
37	1414010043	Trần Thị	Linh	28/06/1996	Nữ	2.22	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CCKTKT59

142

38	1414010047	Nguyễn Thảo	Ly	16/11/1996	Nữ	2.33	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CKTKT59
39	1414010052	Lê Thị Quỳnh	Ngọc	10/05/1996	Nữ	2.57	Khá	Kế toán	Kế toán	CKTKT59
40	1414010053	Phan Hồng	Ngọc	26/07/1996	Nữ	2.40	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CKTKT59
41	1414010055	Vũ Thị Bích	Ngọc	20/10/1996	Nữ	2.75	Khá	Kế toán	Kế toán	CKTKT59
42	1324010618	Nguyễn Phấn	Nhật	14/01/1995	Nam	2.34	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CKTKT59
43	1414010060	Đỗ Thị Thu	Phượng	16/10/1996	Nữ	2.41	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CKTKT59
44	1414010061	Hoàng Thị	Phượng	10/11/1996	Nữ	2.28	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CKTKT59
45	1414010069	Phạm Thanh	Tâm	10/10/1995	Nữ	2.32	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CKTKT59
46	1414010074	Bùi Thị Hồng	Thom	25/09/1996	Nữ	2.05	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CKTKT59
47	1414010075	Nguyễn Thị	Thu	16/05/1996	Nữ	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán	CKTKT59
48	1414010076	Nguyễn Thị	Thùy	31/03/1996	Nữ	2.36	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CKTKT59
49	1414010080	Hoàng Thị Việt	Trinh	13/06/1996	Nữ	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán	CKTKT59
50	1414010084	Vũ Thu	Uyên	22/08/1996	Nữ	2.56	Khá	Kế toán	Kế toán	CKTKT59
51	1311040106	Vũ Văn	Thắng	01/08/1994	Nam	2.01	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	CCMOKT58
52	1311040032	Phạm Tiến	Đạt	21/10/1993	Nam	2.18	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	CCMOKT58
53	1311040016	Ban Chí	Công	15/01/1995	Nam	2.02	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	CCMOKT58
54	1311040012	Lê Thành	Chung	25/02/1995	Nam	2.07	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	CCMOKT58
55	1221040155	Nguyễn Trọng	Luật	03/10/1992	Nam	2.03	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	CCMOKT58
56	1411040014	Trần Trọng	Đạt	30/03/1996	Nam	2.05	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	CCMOMO59
57	1411040016	Bùi Quý	Đông	10/09/1995	Nam	2.41	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	CCMOMO59

142

58	1411040025	Vương Trung	Hiếu	15/04/1996	Nam	2.05	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	CCMOMO59
59	1411040027	Lý Kim	Huế	30/10/1996	Nữ	2.28	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOMO59
60	1411040038	Nguyễn Thùy	Linh	17/02/1996	Nữ	2.29	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOMO59
61	1411040040	Vùi Thị	Mai	23/09/1995	Nữ	2.15	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOMO59
62	1411040042	Đào Hằng	Nga	01/02/1996	Nữ	2.64	Khá	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOMO59
63	1411040050	Phạm Thanh	Tân	15/06/1996	Nam	2.29	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOMO59
64	1411040052	Lương Đức	Thành	08/08/1996	Nam	2.44	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOMO59
65	1411040057	Trần Văn	Thủy	14/02/1995	Nam	2.33	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOMO59
66	1311030089	Bùi Minh	Phúc	20/07/1995	Nam	2.31	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDSTD58
67	1311030071	Phạm Văn	Long	26/02/1995	Nam	2.11	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDSTD58
68	1311030044	Ngô Trung	Hòa	09/08/1995	Nam	2.06	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDSTD58
69	1311030111	Đàm Văn	Thanh	16/11/1994	Nam	2.10	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDSTD58
70	1411030014	Đỗ Tiến	Đạt	21/05/1995	Nam	2.16	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDSTD59
71	1411030038	Nguyễn Bảo	Long	27/07/1996	Nam	2.30	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDSTD59
72	1321030808	Trình Bá	Sắc	20/02/1994	Nam	2.38	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDSTD59
73	1411030058	Vũ Văn	Thế	22/06/1996	Nam	2.07	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDSTD59
74	1411030060	Nguyễn Đại	Thịnh	04/12/1996	Nam	2.13	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDSTD59
75	1411030065	Nguyễn Trần	Tiến	02/02/1994	Nam	2.07	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDSTD59
76	1411030066	Nguyễn Văn	Tiến	25/12/1994	Nam	2.38	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDSTD59
77	1411030069	Đoàn Anh	Tuấn	28/11/1996	Nam	2.34	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDSTD59

142

78	1411030072	Thang Anh	Tuấn	11/05/1996	Nam	2.11	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTD TD59
79	1311070008	Dương Hải	Đăng	16/10/1995	Nam	2.08	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	CCXD NM58
80	1311070046	Phạm Văn	Thành	25/09/1995	Nam	2.13	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	CCXD NM58
81	1311070005	Bé Văn	Dũng	02/07/1994	Nam	2.28	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	CCXD NM58

142

Số: 1046/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy” ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Biên bản họp ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ-Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên cao đẳng - khóa 56, khóa 57; Liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 5, khóa 6 và đại học - khóa 53 hệ chính quy lưu lại;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học cho 27 sinh viên ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật địa chất, Công nghệ kỹ thuật mỏ, Công nghệ kỹ thuật trắc địa, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Điện, điện tử, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ và Kỹ thuật Địa vật lý (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An